

Số: /QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt tiến độ Kiểm định chất lượng giáo dục
cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHHN ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ban hành Chiến lược hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiến độ triển khai Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục và các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 2. Các đơn vị chức năng, các đơn vị quản lý chương trình đào tạo căn cứ tiến độ để tiến hành các bước chuẩn bị và hỗ trợ triển khai Kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, KTĐBCL. MTT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thị Trinh

**TIẾN ĐỘ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

TT	CSGD/Ngành/ chuyên ngành Đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo	Năm có khóa đầu tiên TN	Kiểm định Lần 1	Dự kiến kiểm định			Ghi chú
					Thời gian tiến hành tự đánh giá	Thời gian tiến hành ĐGN	Thời gian dự kiến được cấp GCN	
I	Năm 2022							
1	Đợt 1							
1.1	Đánh giá Cơ sở giáo dục.	2011	2015	3/2018	L2: 3/2022	L2: 12/2022	L2: 3/2023	Trường
2	Đợt 2							
2.1	Khí tượng học	2011	2015	Chưa	L1: 6/2022	L1: 6/2023	L1: 7/2023	Đại học
2.2	Kỹ thuật địa chất	2013	2017	Chưa	L1: 6/2022	L1: 6/2023	L1: 7/2023	Đại học
2.3	Quản lý biển	2013	2017	Chưa	L1: 6/2022	L1: 6/2023	L1: 7/2023	Đại học
2.4	Biến đổi khí hậu và PTBV	2013	2017	Chưa	L1: 6/2022	L1: 6/2023	L1: 7/2023	Đại học
2.5	Quản lý tài nguyên nước	2015	2019	Chưa	L1: 6/2022	L1: 6/2023	L1: 7/2023	Đại học
II	Năm 2023							
1	Đợt 1							
1.1	Khoa học môi trường	2015	2017	Chưa	L1: 3/2023	L1: 12/2023	L1: 3/2024	Thạc sỹ
1.2	Quản lý tài nguyên môi trường	2017	2019	Chưa	L1: 3/2023	L1: 12/2023	L1: 3/2024	Thạc sỹ
1.3	Quản lý đất đai	2016	2018	Chưa	L1: 3/2023	L1: 12/2023	L1: 3/2024	Thạc sỹ
1.3	Quản trị kinh doanh	2018	2022	Chưa	L1: 3/2023	L1: 12/2023	L1: 3/2024	Đại học
1.4	Luật	2018	2022	Chưa	L1: 3/2023	L1: 12/2023	L1: 3/2024	Đại học
2	Đợt 2							
2.1	Thủy văn học	2015	2017	Chưa	L1: 6/2023	L1: 6/2024	L1: 7/2024	Thạc sỹ
2.2	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	2015	2017	Chưa	L1: 6/2023	L1: 6/2024	L1: 7/2024	Thạc sỹ
2.3	Khí tượng và Khí hậu học	2016	2018	Chưa	L1: 6/2023	L1: 6/2024	L1: 7/2024	Thạc sỹ
2.4	Kế toán	2018	2020	Chưa	Không vì ngành không tổ chức tuyển sinh nữa			Thạc sỹ

TT	CSGD/Ngành/ chuyên ngành Đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo	Năm có khóa đầu tiên TN	Kiểm định Lần 1	Dự kiến kiểm định			Ghi chú
					Thời gian tiến hành tự đánh giá	Thời gian tiến hành ĐGN	Thời gian dự kiến được cấp GCN	
III	Năm 2024							
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	2011	2015	27/03/2020	L2: 3/2024	L2: 12/2024	L2: 3/2025	Đại học
2	Quản lý đất đai	2011	2015	27/03/2020	L2: 3/2024	L2: 12/2024	L2: 3/2025	Đại học
3	Kế toán	2011	2015	27/03/2020	L2: 3/2024	L2: 12/2024	L2: 3/2025	Đại học
IV	Năm 2025							
1	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2011	2015	04/05/2021	L2: 3/2025	L2: 12/2025	L2: 3/2026	Đại học
2	Quản lý Tài nguyên và môi trường	2012	2016	04/05/2021	L2: 3/2025	L2: 12/2025	L2: 3/2026	Đại học
3	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	2014	2018	04/05/2021	L2: 3/2025	L2: 12/2025	L2: 3/2026	Đại học
V	Năm 2026							
1	Đợt 1							
1.1	Công nghệ thông tin	2011	2015	3/2022	L2: 3/2026	L2: 12/2026	L2: 3/2027	Đại học
1.2	Thủy văn học	2011	2015	3/2022	L2: 3/2026	L2: 12/2026	L2: 3/2027	Đại học
1.3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2014	2018	3/2022	L2: 3/2026	L2: 12/2026	L2: 3/2027	Đại học
2	Đợt 2							
2.1	Bất động sản	2020	2024	Chưa	L1: 6/2026	L1: 6/2027	L1: 7/2027	Đại học
2.2	Marketing	2020	2024	Chưa	L1: 6/2026	L1: 6/2027	L1: 7/2027	Đại học
2.3	Ngôn ngữ Anh	2020	2024	Chưa	L1: 6/2026	L1: 6/2027	L1: 7/2027	Đại học
2.4	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	2020	2024	Chưa	L1: 6/2026	L1: 6/2027	L1: 7/2027	Đại học
VI	Năm 2027							
1	Đợt 1							
1.1	Đánh giá Cơ sở giáo dục.	2011	2015	3/2023	L3: 3/2027	L3: 12/2027	L3: 3/2028	Trường
1.2	Sinh học ứng dụng	2020	2024	Chưa	L1: 3/2027	L1: 12/2027	L1: 3/2028	Đại học
1.3	Quản trị khách sạn	2020	2024	Chưa	L1: 3/2027	L1: 12/2027	L1: 3/2028	Đại học
1.4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2020	2024	Chưa	L1: 3/2027	L1: 12/2027	L1: 3/2028	Đại học

TT	CSGD/Ngành/ chuyên ngành Đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo	Năm có khóa đầu tiên TN	Kiểm định Lần 1	Dự kiến kiểm định			Ghi chú
					Thời gian tiến hành tự đánh giá	Thời gian tiến hành ĐGN	Thời gian dự kiến được cấp GCN	
2	Đợt 2							
2.1	Khí tượng học	2011	2015	7/2023	L2: 6/2027	L2: 6/2028	L2: 7/2028	Đại học
2.2	Kỹ thuật địa chất	2013	2017	7/2023	L2: 6/2027	L2: 6/2028	L2: 7/2028	Đại học
2.3	Quản lý biển	2013	2017	7/2023	L2: 6/2027	L2: 6/2028	L2: 7/2028	Đại học
2.4	Biến đổi khí hậu và PTBV	2013	2017	7/2023	L2: 6/2027	L2: 6/2028	L2: 7/2028	Đại học
2.5	Quản lý tài nguyên nước	2015	2019	7/2023	L2: 6/2027	L2: 6/2028	L2: 7/2028	Đại học
VII	Năm 2028							
1	Đợt 1							
1.1	Khoa học môi trường	2015	2017	3/2024	L2: 3/2028	L2: 12/2028	L2: 3/2029	Thạc sỹ
1.2	Quản lý đất đai	2016	2018	3/2024	L2: 3/2028	L2: 12/2028	L2: 3/2029	Thạc sỹ
1.3	Quản trị kinh doanh	2018	2022	3/2024	L2: 3/2028	L2: 12/2028	L2: 3/2029	Đại học
1.4	Luật	2018	2022	3/2024	L2: 3/2028	L2: 12/2028	L2: 3/2029	Đại học
2	Đợt 2							
2.1	Thủy văn học	2015	2017	7/2024	L2: 6/2028	L2: 6/2029	L2: 7/2029	Thạc sỹ
2.2	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	2015	2017	7/2024	L2: 6/2028	L2: 6/2029	L2: 7/2029	Thạc sỹ
2.3	Khí tượng và Khí hậu học	2016	2018	7/2024	L2: 6/2028	L2: 6/2029	L2: 7/2029	Thạc sỹ
2.4	Quản lý tài nguyên môi trường	2017	2019	7/2024	L2: 6/2028	L2: 6/2029	L2: 7/2029	Thạc sỹ